

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN



**PHƯƠNG ÁN QUẢN LÝ RỪNG BÈN VỮNG
KHU BẢO TỒN THIÊN NHIÊN SÔNG THANH
TỈNH QUẢNG NAM**

Quảng Nam, tháng 6 năm 2020

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN



**PHƯƠNG ÁN QUẢN LÝ RỪNG BỀN VỮNG
KHU BẢO TỒN THIÊN NHIÊN SÔNG THANH
TỈNH QUẢNG NAM**

Quảng Nam, tháng 6 năm 2020

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
1. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CÔNG TÁC QUẢN LÝ BẢO VỆ, PHÁT TRIỂN RỪNG ĐẢM BẢO MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG RỪNG.....	1
2. SỰ CẦN THIẾT PHẢI XÂY DỰNG VÀ THỰC HIỆN PHƯƠNG ÁN QUẢN LÝ RỪNG BỀN VỮNG.....	2
CHƯƠNG I: CĂN CỨ XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN.....	3
I. CHÍNH SÁCH VÀ PHÁP LUẬT CỦA NHÀ NƯỚC.....	3
1.1. Văn bản quy phạm pháp luật của trung ương.....	3
1.2. Văn bản của địa phương	5
II. CAM KẾT QUỐC TẾ	8
2.1. Công ước quốc tế.....	8
2.2. Thỏa thuận quốc tế	8
III. TÀI LIỆU SỬ DỤNG	9
3.1. Tài liệu dự án, đề án, quyết định thành lập, giao nhiệm vụ cho KBT.....	9
3.2. Các tài liệu điều tra chuyên đề của KBT.....	9
3.3. Bản đồ: bản đồ hiện trạng rừng và hiện trạng sử dụng đất, bản đồ giao đất, giao rừng, các loại bản đồ chuyên đề khác có liên quan.....	9
3.4. Quy hoạch, kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng của tỉnh	9
3.5. Số liệu hiện trạng tài nguyên rừng, kế hoạch sử dụng đất của đơn vị.....	9
CHƯƠNG II: ĐẶC ĐIỂM HIỆN TRẠNG CỦA KHU BTTN SÔNG THANH ..	10
I. THÔNG TIN CHUNG.....	10
1.1. Địa chỉ trụ sở làm việc	10
1.2. Liên hệ	10
1.3. Quyết định thành lập, chức năng, nhiệm vụ.....	10
1.4. Cơ cấu tổ chức của đơn vị.....	12
.5. Nhận xét: đặc điểm chung của đơn vị.	14
II. VỊ TRÍ ĐỊA LÝ, ĐỊA HÌNH, KHÍ HẬU, THỦY VĂN VÀ THỎ NHƯỜNG	15
2.1. Vị trí địa lý, địa hình.....	15
2.2. Khí hậu	16
2.3. Thủy văn	17
2.4. Địa chất và thổ nhưỡng	18
2.5. Nhận xét: những thuận lợi, khó khăn;	18
III. DÂN SINH, KINH TẾ, XÃ HỘI.....	19
3.1. Dân số, dân tộc, lao động.....	19
3.2. Kinh tế: những hoạt động kinh tế chính, thu nhập đời sống của dân cư	22

3.3. Xã hội: thực trạng giáo dục và đào tạo, y tế, văn hóa	23
3.4. Nhận xét: những thuận lợi, khó khăn;	24
IV. GIAO THÔNG	25
4.1. Hệ thống giao thông đường bộ trong khu vực.....	25
4.2. Hệ thống giao thông đường thủy.....	26
4.3. Nhận xét: những thuận lợi, khó khăn;	26
V. DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG RỪNG	27
5.1. Những loại dịch vụ môi trường rừng đang triển khai, thực hiện	27
5.2. Đánh giá tiềm năng cung cấp các loại dịch vụ môi trường	28
5.3. Nhận xét: những thuận lợi, khó khăn.	30
VI. HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT	30
6.1. Thống kê hiện trạng sử dụng đất.....	30
6.2. Phân tích, đánh giá hiện trạng sử dụng đất, tình hình quản lý, sử dụng đất	31
6.3. Nhận xét: những thuận lợi, khó khăn.	31
VII. HIỆN TRẠNG TÀI NGUYÊN RỪNG	32
7.1. Hiện trạng diện tích, trạng thái, chất lượng các loại rừng	32
7.2. Tổng trữ lượng, trữ lượng bình quân các loại rừng.....	32
7.3. Hiện trạng phân bố lâm sản ngoài gỗ.....	35
7.4. Nhận xét: tình hình tài nguyên có những ảnh hưởng thuận lợi, khó khăn đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, bảo tồn đa dạng sinh học	36
VIII. HIỆN TRẠNG VỀ CƠ SỞ VẬT CHẤT, CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN ĐÃ THỰC HIỆN.....	37
8.1. Thống kê số lượng, diện tích văn phòng, nhà, xưởng, trạm hiện có của đơn vị	37
8.2. Thống kê số lượng phương tiện, thiết bị.....	38
8.3. Kết quả các chương trình, dự án đã thực hiện.....	39
8.4. Nhận xét: thực trạng về cơ sở hạ tầng có những thuận lợi, khó khăn đối với công tác quản lý và các hoạt động của đơn vị	39
IX. ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC QUẢN LÝ BẢO VỆ, PHÁT TRIỂN RỪNG, BẢO TỒN ĐA DẠNG SINH HỌC.....	40
9.1. Quản lý rừng tự nhiên	40
9.2. Quản lý rừng trồng.....	44
9.3. Công tác bảo vệ rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng và sâu bệnh gây hại rừng	45
9.4. Quản lý lâm sản ngoài gỗ.....	47
9.5. Quản lý, bảo tồn đa dạng sinh học.....	48
9.5.1. Đa dạng thực vật rừng.....	51
9.5.2. Đa dạng động vật rừng.....	52

9.5.3. Cứu hộ, phát triển sinh vật.....	53
9.5.4. Danh mục loài thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm; những loài đặc hữu.....	53
9.6. Công tác quản lý, xử lý vi phạm pháp luật về công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, bảo tồn đa dạng sinh học.....	56
9.7. Nhận xét: những ưu điểm, tồn tại trong công tác quản lý, bảo vệ, phát triển rừng, bảo tồn đa dạng sinh học.....	57
X. PHÂN KHU CHỨC NĂNG CỦA KHU RỪNG ĐẶC DỤNG.....	60
10.1. Phân khu bảo vệ nghiêm ngặt.....	60
10.2. Phân khu phục hồi sinh thái.....	61
10.3. Phân khu dịch vụ, hành chính.....	62
10.4. Vùng đệm.....	62
10.5. Nhận xét: thực trạng phân khu, vùng đệm có những thuận lợi, khó khăn đối với công tác quản lý bảo vệ rừng, bảo tồn đa dạng sinh học và các hoạt động của đơn vị.	63
XI. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CÔNG ÍCH CỦA CHỦ RỪNG TRONG BA (03) NĂM LIÊN TIẾP LIỀN KÈ.....	63
11.1. Về thực hiện phân loại đơn vị sự nghiệp công.	63
11.2. Hạng mục các nguồn kinh phí của chủ rừng: nguồn từ ngân sách nhà nước, nguồn thu từ phí, lệ phí, nguồn thu từ liên kết, liên doanh, nguồn thu từ dịch vụ môi trường rừng, nguồn thu từ nghiên cứu khoa học, nguồn thu khác.....	64
11.3. Hạng mục các nguồn chi của chủ rừng: chi lương, chi cho các hoạt động bảo vệ, phát triển rừng...chi khác theo quy định.....	65
CHƯƠNG III: MỤC TIÊU, NỘI DUNG VÀ HIỆU QUẢ PHƯƠNG ÁN	67
I. MỤC TIÊU VÀ PHẠM VI QUẢN LÝ RỪNG BỀN VỮNG.....	67
1.1. Mục tiêu chung.....	67
1.2. Mục tiêu cụ thể.....	67
II. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT.....	68
III. KẾ HOẠCH KHOÁN BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG CHO HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN, CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ TẠI CHỖ (NẾU CÓ).....	68
3.1. Kế hoạch khoán bảo vệ và phát triển rừng.....	68
3.2. Kế hoạch, nội dung thực hiện đồng quản lý.....	69
IV. KẾ HOẠCH QUẢN LÝ, BẢO VỆ, PHÁT TRIỂN, SỬ DỤNG RỪNG BỀN VỮNG, BẢO TỒN ĐA DẠNG SINH HỌC.....	70
4.1. Kế hoạch bảo vệ rừng, bảo tồn đa dạng sinh học.....	70
4.2. Kế hoạch phát triển rừng.....	82
4.3. Kế hoạch khai thác lâm sản (Không áp dụng).....	84
4.4. Nghiên cứu khoa học, giảng dạy, thực tập, đào tạo nguồn nhân lực.....	85

4.5. Du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí.....	88
4.6. Xây dựng hạ tầng phục vụ quản lý, bảo vệ, phát triển, sử dụng rừng	92
4.7. Hoạt động dịch vụ cho cộng đồng.....	99
4.9. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo vệ, phát triển rừng	103
4.10. Theo dõi diễn biến tài nguyên rừng, đa dạng sinh học; điều tra, kiểm kê rừng	104
V. NHU CẦU VỐN VÀ NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ	114
5.1. Tổng hợp nhu cầu vốn cho kế hoạch quản lý rừng bền vững.....	114
5.2. Nguồn vốn đầu tư	116
VI. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN	121
6.1. Giải pháp về công tác quản lý.....	121
6.2. Giải pháp về đào tạo nguồn nhân lực	122
6.3. Giải pháp về khoa học, công nghệ	122
6.4. Giải pháp về phối hợp với các bên liên quan.....	123
6.5. Giải pháp về nguồn vốn, huy động nguồn vốn đầu tư.....	123
6.6. Giải pháp khác	124
VII. ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ CỦA PHƯƠNG ÁN	126
7.1. Hiệu quả về kinh tế.....	126
7.2. Hiệu quả về xã hội.....	127
7.3. Hiệu quả về môi trường.....	127
CHƯƠNG IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN	128
I. PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ	128
1.1. Giám đốc khu BTTN Sông Thanh.....	128
1.2. Phó giám đốc khu BTTN Sông Thanh	130
1.3. Các phòng ban trực thuộc	131
II. KẾ HOẠCH KIỂM TRA, GIÁM SÁT	134
2.1. Mục tiêu	134
2.2. Các chỉ tiêu theo dõi, đánh giá.....	134
2.3. Kế hoạch kiểm tra, đánh giá.....	136
III. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ	136
3.1. Kết luận.....	136
3.2. Kiến nghị.....	137

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1: Diện tích và dân số.....	19
Bảng 2: Cơ cấu các dân tộc sinh sống các xã vùng đệm.....	20
Bảng 3: Dân số, giới tính và lao động	21
Bảng 4: Hiện trạng sử dụng đất của KBT Sông Thanh phân theo xã	30
Bảng 5: Thống kê hiện trạng rừng của KBT Sông Thanh, tỉnh Quảng Nam.....	32
Bảng 6: Thống kê trữ lượng rừng của Khu BTTN Sông Thanh, tỉnh Quảng Nam.....	34
Bảng 7: Các hạng mục công trình Ban quản lý Khu BTTN Sông Thanh	37
Bảng 8: Thống kê số lượng phương tiện, thiết bị.....	38
Bảng 9: Cơ cấu nhân lực quản lý bảo vệ rừng khu BTTN Sông Thanh	41
Bảng 10: Đối tượng và diện tích giao khoán BVR khu BTTN sông Thanh	43
Bảng 11: Thống kê hiện trạng trang thiết bị phục vụ công tác quản lý, bảo vệ và PCCCR	46
Bảng 12: Thống kê thành phần các loài thực vật Khu BTTN Sông Thanh	52
Bảng 13: Khu hệ động vật có xương sống và cá phân bố trong khu BTTN Sông Thanh	52
Bảng 14: Thống kê động vật tái thả về môi trường sống tự nhiên Khu BTTN Sông Thanh	53
Bảng 15: Thực vật đặc hữu Việt Nam có tại Khu BTTN Sông Thanh	54
Bảng 16: Thống kê số vụ vi phạm luật bảo vệ phát triển rừng đã được xử lý	56
Bảng 17: Thống kê chi tiết nguồn thu hàng năm.....	64
Bảng 18: Thống kê chi tiết hạng mục các nguồn chi thường xuyên	65
Bảng 19: Tổng hợp kế hoạch thực hiện hoạt động bảo vệ rừng.....	75
Bảng 20: Tổng hợp kế hoạch thực hiện Phương án PCCCR	78
Bảng 21: Tổng hợp kế hoạch phòng trừ sinh vật hại rừng	79
Bảng 22: Kế hoạch bảo tồn đa dạng sinh học	82
Bảng 23: Kế hoạch thực hiện hoạt động phát triển rừng.....	84
Bảng 24: Danh mục, kế hoạch triển khai các đề tài nghiên cứu khoa học.....	85
Bảng 25: Nhu cầu, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực.....	86
Bảng 26: Kế hoạch phát triển Du lịch sinh thái.....	90

Bảng 27: Kế hoạch xây dựng hạ tầng phục vụ quản lý và nghiên cứu khoa học.....	93
Bảng 28: Bố trí xây dựng chòi canh lửa rừng	94
Bảng 29: Kế hoạch xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ BVR, PCCCR	95
Bảng 30: Nhu cầu mua sắm trang thiết bị phục vụ công tác quản lý, BVR, PCCCR..	95
Bảng 31: Kế hoạch mở đường tuần tra kết hợp DLST.....	98
Bảng 32: Kế hoạch thực hiện duy tu bảo dưỡng đường tuần tra kết hợp DLST.....	99
Bảng 33: Kế hoạch hoạt động dịch vụ cho cộng đồng	100
Bảng 34: Kế hoạch thực hiện các hoạt động chi trả DVMTR, thuê MTR.....	102
Bảng 35: Kế hoạch tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật.....	103
Bảng 36: Kế hoạch hoạt động theo dõi diễn biến tài nguyên rừng, giám sát đa dạng sinh học.....	106
Bảng 37: Kế hoạch thực hiện các hoạt động điều tra, kiểm kê rừng.....	112
Bảng 38: Kế hoạch hoạt động cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững/chứng chỉ cho dịch vụ hệ sinh thái rừng	114
Bảng 39: Tổng hợp nhu cầu vốn cho phương án quản lý rừng bền vững	115
Bảng 40: Phân nguồn vốn cho phương án quản lý rừng bền vững	117
Bảng 41: Phân nguồn vốn cho phương án quản lý rừng bền vững	119

DANH MỤC HÌNH

Hình 1: Sơ đồ tổ chức bộ máy khu BTTN Sông Thanh	13
Hình 2: Sơ đồ vị trí Khu BTTN Sông Thanh	15

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

BCC	Dự án hành lang bảo tồn đa dạng sinh học tiểu vùng Mê Kông mở rộng
BCC-GEF	Dự án Lòng ghép bảo tồn đa dạng sinh học, thích ứng với biến đổi khí hậu và quản lý rừng bền vững cảnh quan Trung Trường Sơn Việt Nam
BQL	Ban quản lý
BTTN	Bảo tồn thiên nhiên
CSDL	Cơ sở dữ liệu
CCKL	Chi cục Kiểm lâm
C-PFES	Chi trả dịch vụ môi trường rừng – Lưu trữ Các bon
ĐDSH	Đa dạng sinh học
ĐHNL	Đại học Nông Lâm
DLST	Du lịch sinh thái
DVMTR	Dịch vụ môi trường rừng
FSC	Hội đồng quản trị rừng (Forest Stewardship Council)
GEF	Quỹ môi trường toàn cầu
HCDV	Hành chính dịch vụ
IUCN	Liên minh bảo tồn thiên nhiên quốc tế
KBT	Khu Bảo tồn
LCBS	Lưỡng cư, bò sát
MTR	Môi trường rừng
NN&PTNT	Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
PCCCR	Phòng cháy chữa cháy rừng
PFES	Chi trả dịch vụ môi trường rừng
QLBVR	Quản lý bảo vệ rừng
QLTNR-MT	Quản lý tài nguyên rừng – môi trường
RDD	Rừng đặc dụng
SMART	Công cụ hỗ trợ tuần tra, giám sát trong công tác quản lý, bảo vệ rừng
TNMT	Tài nguyên và Môi trường
UBND	Ủy ban nhân dân
VCF	Quỹ Bảo tồn Việt Nam
WWF	Quỹ Quốc tế Bảo vệ Thiên nhiên

